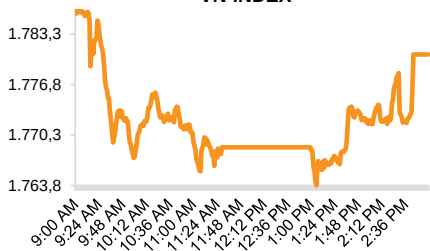


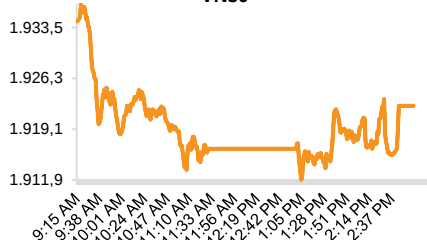
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

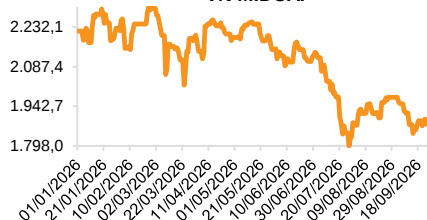
VN-INDEX



VN30



VN MIDCAP



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.780,7	271,3	125,0
1 ngày (%)	-0,2	-0,3	-0,2
1 tháng (%)	-2,8	-4,7	-2,0
Từ 2026	-0,2	9,1	3,3
1 năm (%)	7,2	-1,7	13,0
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	331	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,6	0,5	0,4
Số mã tăng	105	40	98
Số mã giảm	227	95	139
Số mã tham chiếu	73	158	492

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index giảm 0,3%, khối ngoại duy trì bán ròng

Phiên giao dịch ngày 28/09/2026 ghi nhận VN-Index giảm 4,4 điểm (-0,3%) xuống 1.780,7 điểm. Chỉ số chịu áp lực từ nhóm Ngân hàng và một số cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi Dầu khí và Bảo hiểm đóng vai trò nâng đỡ thị trường. Độ rộng thị trường nghiêng mạnh về phía tiêu cực với 102 mã tăng, trong đó ba mã tăng trần, 38 mã đứng giá và 219 mã giảm, gồm tám mã giảm sàn. HNX-Index giảm 0,9 điểm (-0,3%) xuống 271,3 điểm.

VN30 giảm 16,1 điểm (-0,8%) xuống 1.922,4 điểm, với tám mã tăng, một mã đứng giá và 21 mã giảm. VN100 giảm 14,3 điểm (-0,8%) xuống 1.821,8 điểm, cho thấy áp lực điều chỉnh tập trung khá rõ ở nhóm vốn hóa lớn.

Xét theo ngành, Dầu khí tăng mạnh nhất 5,0%, tiếp theo là Bảo hiểm (+4,6%), Dịch vụ tiện ích (+1,9%) và Du lịch & Giải trí (+0,4%). Ở chiều ngược lại, Viễn thông giảm 3,2%, Dịch vụ tài chính giảm 2,0%, Công nghệ giảm 1,6%, Tài nguyên giảm 1,5% và Xây dựng & Vật liệu giảm 1,0%. Bất động sản và Ngân hàng, hai nhóm có tỷ trọng lớn, lần lượt giảm 0,1% và 0,4%.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 12,4 nghìn tỷ đồng, tăng 7,4% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng 292,8 tỷ đồng, tập trung tại VPB (200,0 tỷ đồng), BVH (113,8 tỷ đồng), CTG (73,4 tỷ đồng), PNJ (59,0 tỷ đồng) và HDB (56,5 tỷ đồng). Ở chiều mua ròng, BSR dẫn đầu với 52,6 tỷ đồng, tiếp theo là DCM (48,0 tỷ đồng), PVS (41,9 tỷ đồng), STB (39,0 tỷ đồng) và GEX (30,6 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao:** Nhà đầu tư nên tiếp tục rà soát danh mục và ưu tiên các cổ phiếu duy trì sức mạnh tương đối tốt, đồng thời hạn chế gia tăng đòn bẩy khi độ rộng thị trường vẫn nghiêng về phía giảm. Có thể quan sát phản ứng của VN-Index quanh vùng 1.770–1.780 điểm và cân nhắc hạ tỷ trọng nếu chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ này; 2) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao:** Nhà đầu tư nên duy trì sự thận trọng và chờ tín hiệu cân bằng rõ hơn trước khi gia tăng tỷ trọng. Việc giải ngân thăm dò có thể được cân nhắc nếu VN-Index giữ vững vùng 1.770–1.780 điểm và thanh khoản cải thiện đi kèm độ rộng thị trường tích cực hơn.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,0	26,2	3,2	-0,8	-2,5	-16,0	-6,2	49
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,9	19,4	4,9	-0,9	-3,3	-12,7	-8,3	42
Năng lượng	2,8	10,1	1,9	5,1	15,0	71,7	66,4	-3
Tài chính	36,5	11,1	1,6	-0,6	-3,3	-1,8	-5,9	34
Chăm sóc sức khỏe	0,4	14,1	2,5	-0,1	-2,3	-11,7	-6,2	488
Công nghiệp	6,2	24,3	3,2	-0,3	-0,5	-14,2	-7,5	49
Công nghệ thông tin	1,6	11,9	2,9	-1,3	-3,6	-23,9	-25,7	50
Vật liệu xây dựng	5,2	13,3	1,5	-1,3	-3,6	-1,7	-9,5	43
Bất động sản	31,4	60,1	7,5	-0,1	-3,2	24,1	128,2	-17
Dịch vụ tiện ích	4,0	13,9	2,3	2,5	-1,1	10,0	20,5	42

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Giá dầu Brent tăng hơn 3% lên trên 107 USD/thùng do rủi ro nguồn cung Trung Đông gia tăng, tiếp tục tạo áp lực lên lạm phát và lợi suất trái phiếu toàn cầu.
- **Fed:** USD duy trì gần đỉnh 2 tháng, với DXY quanh 101,12 điểm, khi giá dầu và lợi suất TPCP tăng củng cố kỳ vọng Fed tiếp tục thắt chặt; thị trường hiện định giá khoảng 65% khả năng Fed tăng lãi suất trong cuộc họp cuối tháng 10. Chủ tịch Fed Cleveland Beth Hammack cho rằng đã tăng lợi suất chủ yếu đến từ lãi suất thực, triển vọng kinh tế và nhu cầu vốn lớn từ đầu tư công nghệ, thay vì kỳ vọng lạm phát mất neo.
- **Mỹ:** Đơn hàng hàng hóa vốn cốt lõi tháng 8 tăng 1,6% svtt, cao hơn nhiều dự báo 0,5%, cho thấy đầu tư thiết bị tiếp tục mạnh nhờ làn sóng hạ tầng AI. Ngược lại, niềm tin tiêu dùng tháng 9 giảm xuống 48,1 điểm, thấp nhất 4 tháng, trong khi kỳ vọng lạm phát 1 năm tăng từ 4,0% lên 4,6%, phản ánh sức mua hộ gia đình chịu áp lực từ giá cả.
- **BoJ:** Biên bản tháng 7 cho thấy nhiều thành viên BoJ muốn đẩy nhanh tốc độ tăng lãi suất khi rủi ro lạm phát tăng và lạm phát cơ bản tiến gần mục tiêu 2%. Chỉ số giá dịch vụ doanh nghiệp tháng 8 tăng 3,7% svck, nhanh nhất hơn 2 năm, củng cố khả năng BoJ tiếp tục nâng lãi suất sau khi đưa lãi suất chính sách lên 1,25% trong tháng 9.
- **Trung Quốc:** Lợi nhuận doanh nghiệp công nghiệp tháng 8 tăng 4,2% svck, giảm mạnh từ 11,2% trong tháng 7; lũy kế 8M26 tăng 15,7%, chậm lại từ 17,6% trong 7M26. Ngành máy tính, truyền thông và điện tử tăng lợi nhuận tới 110%, nhưng cầu nội địa yếu và dư thừa công suất tiếp tục gây áp lực lên khả năng định giá của doanh nghiệp.
- **Mỹ - Trung Quốc:** Hai nước gia hạn đình chiến thương mại thêm 2 tháng đến 10/1/2027, đồng thời chuẩn bị thảo luận giảm thuế đối ứng trên khoảng 30 tỷ USD hàng hóa. Trung Quốc cũng dự kiến giảm thuế với một số nông sản Mỹ và hai bên đã đạt thỏa thuận về nhập khẩu than, tạo môi trường thương mại ổn định hơn trong ngắn hạn dù các vấn đề về công nghệ và chuỗi cung ứng vẫn tồn tại.
- **Mỹ - Nhật Bản:** Hai nước tăng phối hợp về chuỗi cung ứng yttrium và nam châm vĩnh cửu, sau khi kiểm soát xuất khẩu của Trung Quốc gây thiếu hụt nguyên liệu quan trọng cho hàng không, bán dẫn và năng lượng. Trong một số tháng đầu năm, xuất khẩu yttrium của Trung Quốc sang Mỹ thậm chí bằng 0, cho thấy rủi ro chuỗi cung ứng đất hiếm vẫn đáng theo dõi.

Tin vĩ mô trong nước

- Cục Thuế nhấn mạnh yêu cầu minh bạch và thống nhất chính sách thuế đối với doanh nghiệp FDI, trong bối cảnh Việt Nam triển khai Luật Quản lý thuế mới và các chuẩn mực quốc tế về thuế tối thiểu toàn cầu. Trọng tâm quản lý chuyển sang dữ liệu, giao dịch liên kết, MAP, APA và trao đổi thông tin xuyên biên giới, yêu cầu doanh nghiệp chủ động quản trị tuân thủ ngay từ khi phát sinh giao dịch.
- Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách đang xem xét 17 dự án luật trước khi trình Kỳ họp thứ hai; kỳ họp dự kiến xem xét, thông qua 45 dự án luật và nghị quyết quy phạm pháp luật, trong đó nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, đất đai, tài chính và dữ liệu.
- Hà Nội giao thêm 273,3 ha đất cho Tập đoàn Tương Lai Sông Hồng triển khai Khu đô thị đa mục tiêu tại Thủ Lâm và Đông Anh. Dự án có quy mô khoảng 696 ha, tổng vốn khoảng 60,5 nghìn tỷ đồng, dự kiến phục vụ khoảng 200.000 người và gồm nhà ở thương mại, tái định cư, nhà ở xã hội cùng hạ tầng công cộng.
- TP.HCM dự kiến lần lượt phê duyệt các quy hoạch TOD gắn với mạng lưới metro trong 2026-2027, gồm metro số 1, metro số 2, ga Thủ Thiêm, Bình Khánh và tuyến Bến Thành - Cần Giờ. Việc phát triển đô thị quanh các đầu mối giao thông được kỳ vọng hỗ trợ khai thác quỹ đất và huy động thêm nguồn lực cho hạ tầng đường sắt đô thị.

- Nhu cầu TPCP tăng mạnh khi lượng đặt mua kỳ hạn 10 năm vượt kế hoạch huy động 20 nghìn tỷ đồng, khiến Kho bạc Nhà nước phát hành thêm 2 nghìn tỷ đồng ngay trong phiên. Lãi suất phát hành kỳ hạn 5-10 năm hiện lên khoảng 4,1-4,3%, từ quanh 4% đầu năm, trong bối cảnh thanh khoản ngân hàng cải thiện và mặt bằng lợi suất toàn cầu tăng.
- Cục Hàng không đề xuất điều chỉnh quy hoạch sân bay Phú Quốc để phục vụ APEC 2027, gồm đồng bộ đường lăn, mở rộng sân đỗ lên khoảng 42 vị trí trước nhà ga T2 và 45 vị trí tại khu vực T1 - nhà khách VIP, cùng nâng cấp điện, nước, đường công vụ và kết nối trực tiếp giữa T1-T2. Tổng nhu cầu sử dụng đất của sân bay đến 2050 vượt 1.049 ha.
- Bộ Tài chính ban hành hai chuẩn mực kiểm toán mới VSQM1 và VSQM2, chuyển quản lý chất lượng kiểm toán theo hướng dựa trên rủi ro và tăng yêu cầu soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Các chuẩn mực áp dụng với doanh nghiệp kiểm toán và chi nhánh kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam từ 1/1/2029.

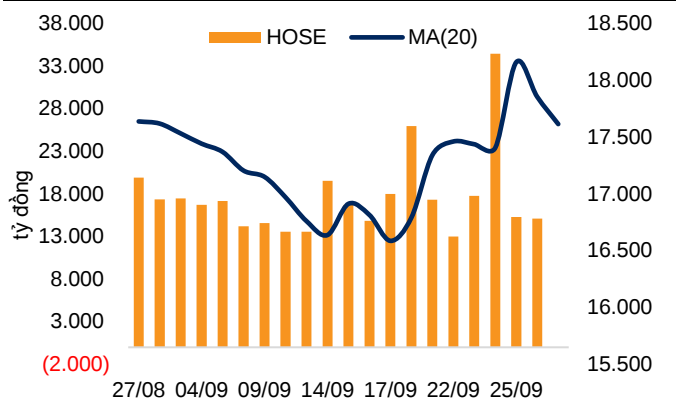
Tin ngành và doanh nghiệp

- **CTD:** Coteccons đặt mục tiêu năm tài chính 2026 đạt 42 nghìn tỷ đồng doanh thu (+22%) và 1,05 nghìn tỷ đồng LNST (+34%), đưa lợi nhuận trở lại mốc trên 1 nghìn tỷ đồng. Công ty đồng thời đề xuất không chia cổ tức, ưu tiên giữ lại nguồn lực cho hoạt động kinh doanh và mở rộng backlog. vietnambiz
- **DCM:** Phân Bón Cà Mau được bình chọn vào Top 3 doanh nghiệp phi tài chính vốn hóa lớn có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất 2026. 8M26, doanh thu tăng hơn 30% svck và lợi nhuận tăng 50%, trong bối cảnh doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh minh bạch thông tin và quan hệ nhà đầu tư. Vietstock
- **EVF:** NHNN chấp thuận EVF tăng vốn thêm tối đa 850 tỷ đồng thông qua chào bán riêng lẻ 85 triệu cp, qua đó nâng vốn điều lệ từ 7,61 nghìn tỷ đồng lên khoảng 8,46 nghìn tỷ đồng. Toàn bộ vốn huy động dự kiến được bổ sung cho hoạt động tín dụng; 6M26, LNTT đạt 699 tỷ đồng (+17% svck).
- **PCB:** PVcomBank dự kiến chào bán riêng lẻ 300 triệu cp với giá 13.628 đồng/cp, cao hơn gần 40% thị giá tại thời điểm công bố, nhằm tăng thêm 3 nghìn tỷ đồng vốn điều lệ. Nếu hoàn tất, vốn điều lệ ngân hàng sẽ tăng từ 9 nghìn tỷ đồng lên 12 nghìn tỷ đồng.
- **MSR:** Masan thông qua chuyển nhượng tối đa 5% MSR cho Elmet, sau thỏa thuận bán 4,99% với giá 125 triệu USD; Elmet đồng thời cam kết mua khoảng 1.250 tấn WO₃/năm trong hơn 8 năm. Masan có thể tiếp tục giảm sở hữu tại MSR xuống khoảng 75% nhằm tăng tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng và chuẩn bị chuyển niêm yết sang HOSE.
- **PNJ:** PNJ đề xuất điều chỉnh kế hoạch 2026 xuống 39,1 nghìn tỷ đồng doanh thu và lỗ ròng 6,27 nghìn tỷ đồng, chủ yếu do trích lập 7,07 nghìn tỷ đồng dự phòng liên quan chính sách thu đổi sản phẩm; nếu loại khoản dự phòng, LNST ước khoảng 800 tỷ đồng. Công ty cũng dự kiến huy động tối đa 8 nghìn tỷ đồng và giảm cổ tức 2025 từ 20% xuống 10%, thay vì không chia cổ tức.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

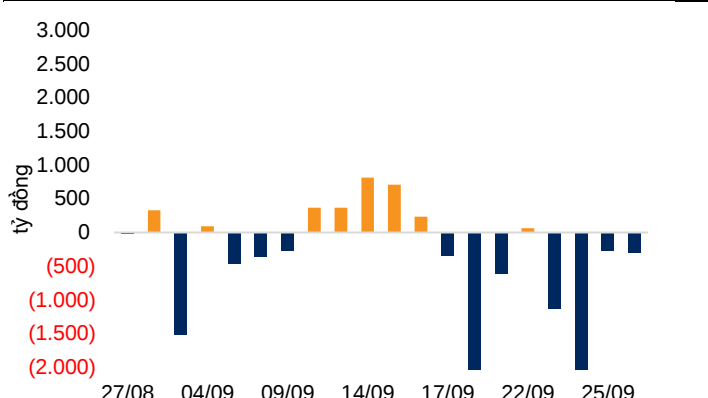
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba, 29/09/2026	Mỹ	Niềm tin người tiêu dùng tháng 9.2026
Thứ Tư, 30/09/2026	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 8.2026
Thứ Sáu, 02/10/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 9.2026
Thứ Bảy, 03/10/2026	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 9 và quý 3.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



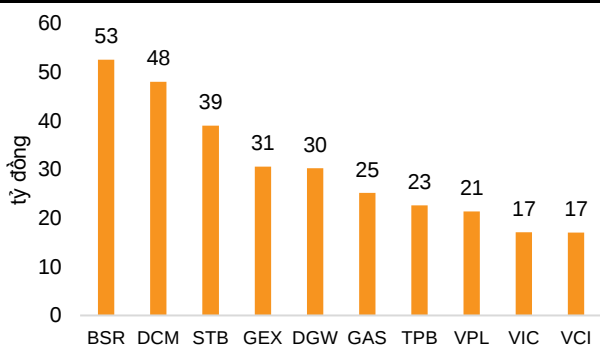
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



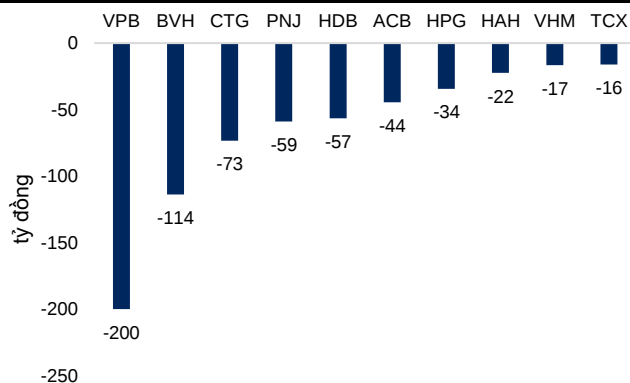
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



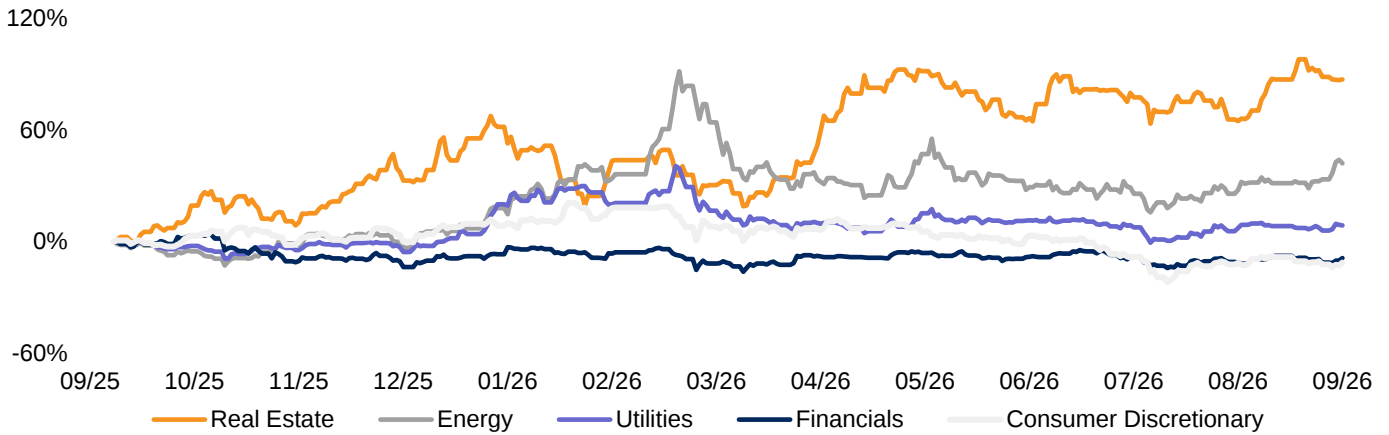
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-1,7%	-3,7%	16,7	1,5	8,8%	2,4%	155,881	1,4%	166.058	0,3%	6,1%
Ấn Độ	NSE500 Index	-1,5%	-6,7%	23,0	3,2	15,1%	1,2%	8,906	6,9%	-25.348	-0,6%	-7,5%
Indonesia	JCI Index	-1,5%	-28,9%	13,8	1,7	12,3%	3,8%	731	7,0%	-4.470	-1,6%	-7,2%
Singapore	FSTAS Index	0,3%	20,7%	19,7	1,7	9,5%	3,9%	1,454	2,3%	1.279	-0,3%	0,9%
Malaysia	FBME Index	-0,2%	1,0%	15,0	1,4	10,1%	3,9%	594	3,7%	-1.394	-1,5%	3,2%
Philippines	PCOMP Index	-0,7%	-7,2%	9,2	0,9	9,7%	4,7%	95	5,8%	-505	-0,5%	-7,1%
Thái Lan	SET Index	-0,4%	27,1%	12,8	1,5	9,3%	4,2%	2,141	1,7%	1.479	-1,9%	-4,0%
Việt Nam	VN-Index	-0,2%	-0,2%	13,6	2,0	16,0%	1,9%	541	4,3%	-3.573	0,4%	1,7%

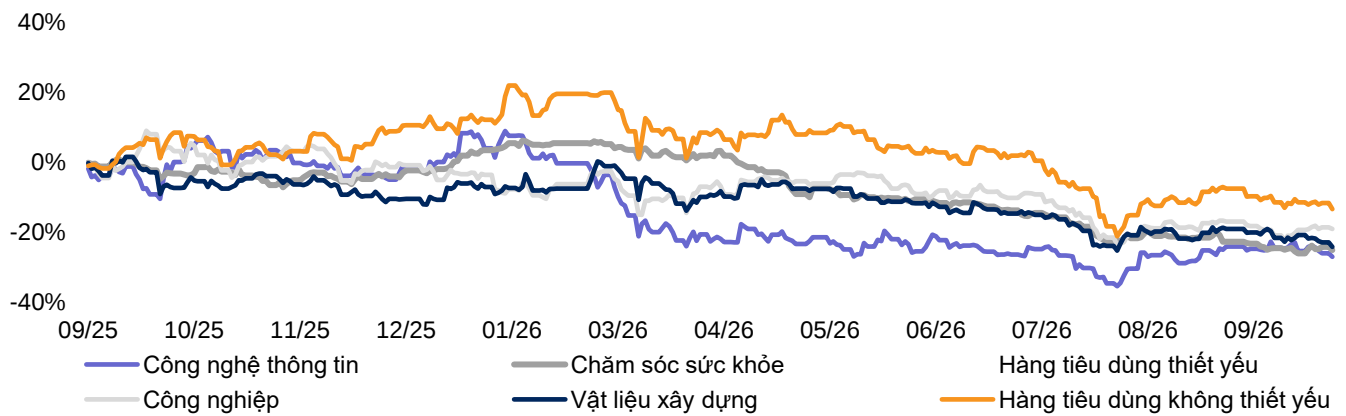
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



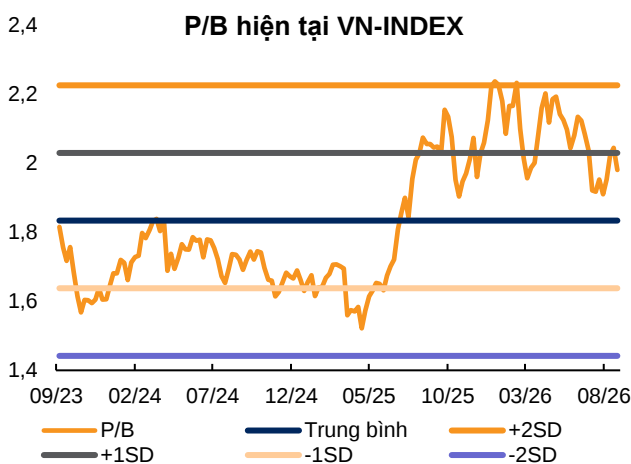
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



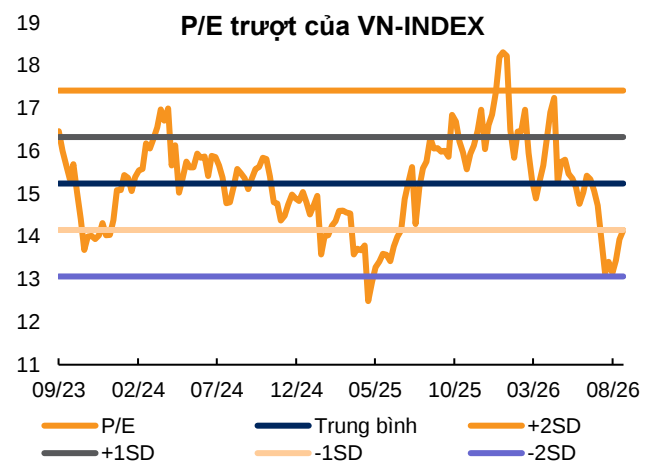
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



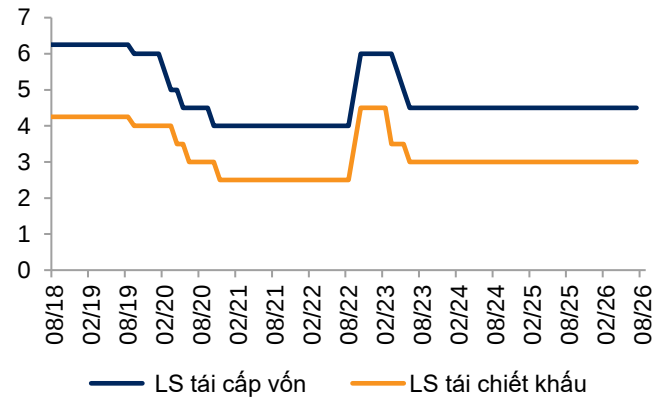
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4.29	-0.1	-0.2	31.9	40.3
Lợi suất TPCP Việt Nam 10 năm (%/năm)	4.47	0.0	0.4	10.6	23.3
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	0.63	-33.7	-91.4	-61.8	-82.0
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6.21	1.5	-7.0	-24.7	19.9
USD/VND	25,968	0.0	0.4	1.3	1.7
DXY	101.09	0.1	1.4	2.8	3.0
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	5.22	1.2	10.7	25.3	25.0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4.99	1.3	13.5	41.1	36.7

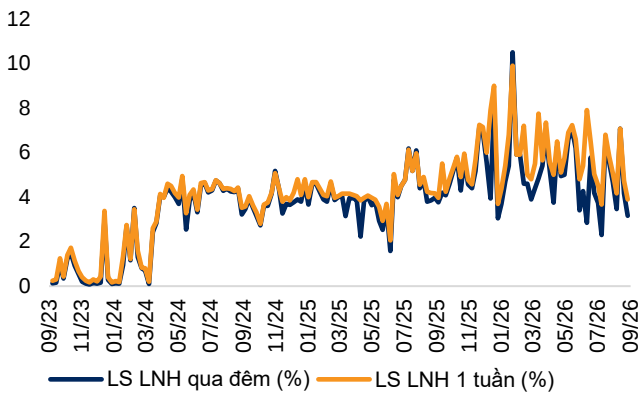
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



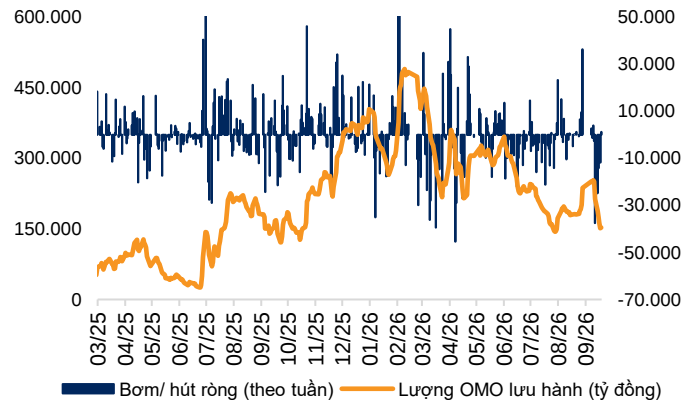
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



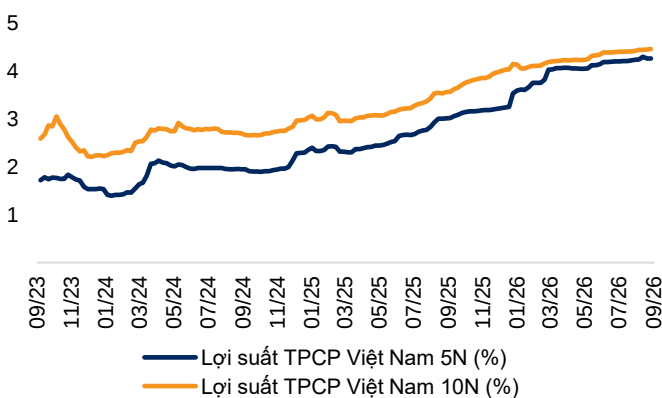
Nguồn: SBV. FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



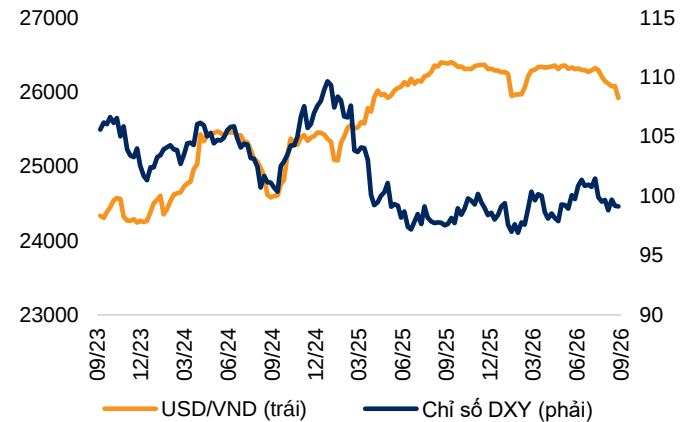
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	3.0%	14.1%	44.8%
Brent Crude	3.2%	20.6%	53.6%
JKM LNG	-1.7%	6.3%	141.0%
Henry Hub LNG	-0.7%	10.3%	127.2%
NW Thermal Coal	7.0%	18.9%	7.7%
Singapore Platt FO	0.0%	16.7%	65.8%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-3.2%	-7.7%	9.9%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	1.2%	-6.5%	43.7%
Bạch kim	-3.4%	-7.4%	8.6%

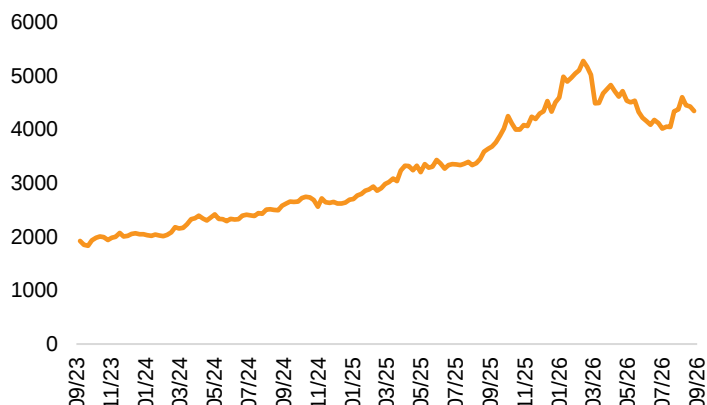
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0.0%	-6.4%	391.6%
Đồng	-0.3%	-0.3%	42.5%
Nhôm	0.7%	1.2%	23.1%
Niken	-1.1%	-4.2%	7.0%
Kẽm	-1.0%	0.7%	20.0%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0.3%	4.1%	-1.3%
Quặng sắt	-0.9%	-3.9%	-12.7%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0.3%	9.9%	47.1%
Arabica	-0.1%	-19.5%	-26.4%
Đường	-0.1%	-0.4%	10.2%
Cacao	1.3%	-12.8%	-17.6%
Dầu cọ	-0.3%	-6.6%	NA
Bông	-0.8%	-9.4%	23.6%
Sữa bột	0.0%	-3.2%	-8.3%
Lúa mì	-1.0%	-9.2%	34.0%
Đậu tương	-1.6%	1.6%	28.0%
Hạt điều	NA	0.0%	10.0%
Cao su	0.4%	-2.5%	42.8%
Urê	10.0%	17.4%	9.0%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-1.2%	-2.8%	-21.9%
Gia súc	-0.1%	0.4%	-5.7%

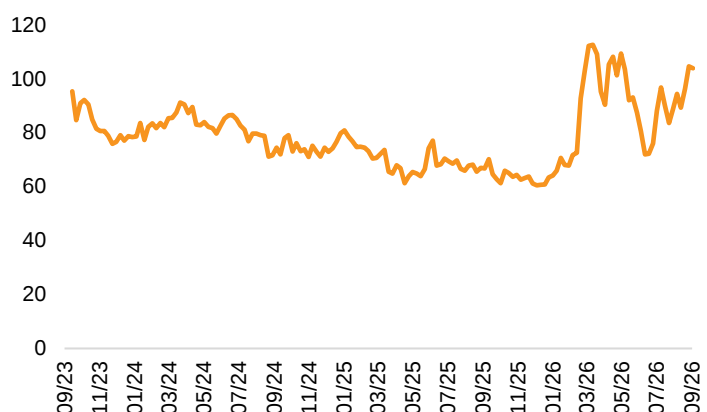
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5,408	0.7	2,559	39,200	64,700	64.2%	1.4%	12.6	1.9	16%
AST	131	0.0	3	63,100	84,500	38.2%	1.3%	11.5	4.7	48%
HVN	2,456	0.9	531	20,500	43,400	104.8%	3.0%	14.0	6.7	
VJC	3,936	5.7	939	132,900	113,600	-10.4%	0.6%	46.4	3.9	9%
Bán lẻ										
BAF	446	1.9	205	31,750	40,100	35.0%		116.4	2.7	3%
DGW	392	2.2	89	45,550	49,600	42.7%	2.2%	12.0	2.7	25%
FRT	964	2.3	154	140,000	150,300	37.9%	0.2%	22.0	5.2	30%
MCH	6,948	2.4	5,834	138,000	165,000	21.3%	1.4%	25.5	9.6	39%
MWG	4,092	10.1	-2	72,000	102,000	42.7%	1.4%	10.7	3.0	30%
PNJ	605	9.3	13	30,700	N/A	N/A	2.2%	6.5	1.2	18%
QNS	712	0.3	291	50,300	53,400	13.1%	2.0%	8.2	1.5	19%
SAB	2,141	1.1	881	43,350	54,600	25.4%	6.9%	12.0	2.8	23%
VHC	392	0.6	323	48,650	72,400	36.6%	4.1%	7.4	1.1	15%
VNM	4,853	8.7	2,434	60,300	71,900	20.4%	3.1%	12.8	4.0	31%
Tài chính										
ACB	4,716	9.8	295	21,100	31,300	41.9%	2.9%	7.8	1.2	17%
BID	10,708	5.6	1,335	35,750	47,200	32.4%	1.2%	8.4	3.2	16%
CTG	8,928	9.7	484	29,850	40,200	70.2%	1.5%	5.8	1.2	22%
HDB	5,301	11.4	265	27,500	39,500	54.7%	2.3%	6.9	1.6	26%
LPB	5,234	5.3	183	45,500	33,400	-31.7%	6.6%	12.0	3.2	27%
MBB	7,677	11.1	343	19,800	32,900	51.5%	4.2%	6.4	1.3	22%
STB	5,605	9.9	1,084	77,200	73,000	-35.7%	0.8%	23.8	2.3	5%
TCB	8,964	18.4	149	32,850	39,200	40.2%	2.1%	8.6	1.3	16%
TPB	1,560	5.2	128	14,600	21,700	33.9%	3.4%	5.3	0.9	18%
VCB	18,759	10.4	1,880	58,300	67,100	29.2%	0.8%	11.7	2.0	18%
VIB	1,888	3.6	29	13,150	14,600	10.2%	6.3%	6.6	1.0	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8,838	17.8	636	22,950	37,100	50.4%	1.7%	7.7	1.3	18%
Dệt may										
MSH	128	0.1	57	29,650	40,600	34.2%	3.4%	5.4	1.7	31%
TCM	71	0.7	1	15,650	20,000	20.8%	3.0%	9.3	0.8	8%
Khu công nghiệp										
BCM	1,556	1.1	524	39,050	68,400	81.5%	2.8%	21.3	1.8	9%
GMD	1,270	3.6	128	77,300	95,700	3.1%	2.8%	13.7	2.4	19%
HAH	379	1.3	89	52,300	55,400	27.6%	3.8%	7.5	1.9	27%
VSC	196	4.7	92	13,600	19,100	37.5%	3.7%	14.8	0.9	7%
IDC	537	1.5	185	33,400	58,000	44.5%	4.1%	6.4	2.1	35%
KBC	936	1.4	398	25,800	35,700	9.5%	1.5%	21.2	1.0	5%
PHR	300	0.8		31,900	68,400	22.4%	2.4%	8.3	1.7	22%
VTP	402	1.1	182	51,500	77,900	60.6%	1.3%	32.7	4.5	15%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	535	1.2	244	36,550	128,300	246.0%	21.9%	6.9	0.9	13%
HPG	6,568	17.6	1,791	20,200	33,300	53.5%	2.3%	7.3	1.2	17%
Dầu khí										
BSR	6,248	11.1	2,967	32,400	16,700	-27.2%	0.9%	8.2	2.2	30%
GAS	7,759	4.5	3,639	83,500	91,800	20.4%	3.0%	15.8	2.9	18%
OIL	542	1.0	34	13,600	14,800	13.2%	1.8%	39.7	1.3	3%
PLX	1,774	4.9	102	35,600	47,700	46.4%	3.4%	14.7	1.8	9%
PVD	666	3.5	280	18,650	23,000	37.8%	13.4%	17.8	1.0	5%
PVS	789	4.2	263	33,400	48,200	40.5%	1.6%	9.7	1.3	11%
PVT	467	3.6	156	23,450	24,200	44.0%	0.9%	8.5	1.3	15%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	600	2.8	279	22,900	22,700	6.6%	6.6%	9.1	1.4	14%
DCM	718	3.3	314	35,200	49,800	41.4%	5.7%	8.1	1.6	21%
DDV	93	0.2		16,500	38,700	119.0%	10.3%	3.8	1.1	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	58	0.1		18,600	34,100	88.0%	2.7%	9.2	1.0	12%
Điện										
POW	1,494	9.9	775	14,550	14,400	0.1%	1.1%	17.6	1.2	7%
Điện và BĐS										
HDG	241	0.9	82	15,350	27,500	69.8%	3.0%	6.7	0.9	14%
PC1	321	0.0	133	20,250	30,800	43.3%	0.0%	8.2	1.2	16%
REE	1,094	0.7	1	45,600	66,600	41.1%	1.9%	10.8	1.3	13%
Bất động sản										
DXG	498	4.4	170	10,200	20,500	92.4%	19.6%	64.4	0.9	1%
KDH	485	3.3	129	15,300	35,700	104.0%	1.9%	10.5	0.9	9%
NLG	405	1.8	54	21,650	38,000	95.9%	2.3%	17.5	0.8	5%
VHM	21,986	25.0	9,558	69,500	80,200	3.3%	4.3%	7.2	2.2	33%
VRE	2,135	5.1	804	24,400	34,000	39.9%	4.1%	7.6	1.1	15%
Công nghệ										
FPT	4,626	17.9	948	63,700	186,000	41.7%	1.4%	11.9	3.0	27%
Xây dựng										
HHV	189	1.0	170	8,990	14,700	46.3%	0.0%	10,0	0.5	4,8%
Tài chính thay thế										
F88	485	0.4	372	54,500	93,100	24.3%	0.0%	16.3	4.9	39%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết. Thông tin trên báo cáo được công bố của công ty. Thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT. người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA

